

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số *1409* / QĐ-ĐHKH, ngày *01* tháng *12* năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học - ĐHTN)

Tên chương trình: VĂN HỌC

Tiếng Việt: Văn học

Tiếng Anh: Literary Studies

Ngành đào tạo: Văn học

Mã ngành: 7229030

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình Văn học theo định hướng Văn học và Văn hóa Việt Nam được thiết kế dành cho hai đối tượng sinh viên Việt Nam và nước ngoài với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có năng lực sử dụng tiếng Việt như người bản ngữ, có khả năng vận dụng kiến thức văn học, ngôn ngữ, văn hóa vào nghiên cứu, giảng dạy, quản lý văn hóa; nghiên cứu và giảng dạy tiếng Việt, văn học Việt Nam và hoạt động ngành nghề ở một số lĩnh vực khác như du lịch, báo chí, truyền thông...

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

Người học sẽ được trang bị trình độ tiếng Việt cơ bản và nâng cao để theo học chương trình Văn học theo định hướng Văn học và Văn hóa Việt Nam. Sinh viên sẽ được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản và hiện đại về văn học, ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam, mở rộng tri thức về văn học thế giới; được cung cấp kiến thức nền tảng về phương pháp giảng dạy và nghiên cứu văn học, ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam; được trang bị thêm một số tri thức cơ bản về du lịch, báo chí, truyền thông...

1.2.2. Về kỹ năng

Sau khi tốt nghiệp, người học được trang bị đầy đủ các kỹ năng chuyên môn cũng như các kỹ năng mềm cần thiết để có thể đáp ứng tốt nhu cầu của nhà tuyển dụng.

1.2.3. Thái độ

- Trân trọng, gìn giữ và phát huy các giá trị văn học, ngôn ngữ, văn hóa và nghệ thuật của dân tộc và nhân loại;
- Kiên định với ngành nghề đã chọn; khiêm tốn, cầu thị, chủ động, sáng tạo và trung thực trong công việc;
- Có thái độ khách quan, khoa học trong quá trình giải quyết các vấn đề thực tiễn;

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

- Có kiến thức chuyên sâu về văn học Việt Nam, mở rộng và cập nhật tri thức về văn học thế giới;
- Có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa và các loại hình nghệ thuật ở Việt Nam;
- Có phương pháp nghiên cứu, giảng dạy văn học, ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam;
- Có kiến thức nền về một số lĩnh vực trong hoạt động du lịch, báo chí, truyền thông.

2.2. Kỹ năng

- Kỹ năng chuyên môn: có khả năng vận dụng thích hợp và hiệu quả các tri thức đã được trang bị trong các hoạt động nghề nghiệp; có thể phát hiện, đánh giá và xử lý các vấn đề liên quan đến lĩnh vực chuyên môn cũng như hướng giải quyết tối ưu cho các vấn đề liên ngành.
- Kỹ năng mềm: có khả năng phối hợp nhóm hiệu quả; có kỹ năng giao tiếp tốt; có khả năng thích ứng linh hoạt với những môi trường làm việc áp lực, cạnh tranh.

2.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Khả năng phát hiện, đánh giá và giải quyết các vấn đề về văn học, ngôn ngữ, văn hóa và nghệ thuật;
- Nắm bắt và xử lý các vấn đề về quảng cáo, truyền thông, sự kiện;
- Có khả năng nghiên cứu độc lập, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao, phối hợp làm việc nhóm hiệu quả;
- Có trách nhiệm công dân, tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc và đạo đức nghề nghiệp.
- Không ngừng phấn đấu cho sự tiến bộ của bản thân và xã hội.

3. VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Nhà nghiên cứu văn học, ngôn ngữ, văn hóa Việt Nam;
- Giáo viên giảng dạy tiếng Việt, văn học, văn hóa Việt Nam;
- Tham gia quản lý và tổ chức các sự kiện văn hóa nghệ thuật tại các sở, ban ngành địa phương;

- Hướng dẫn viên du lịch, quản trị lữ hành;
- Nhân viên truyền thông, viết bài quảng cáo, bài PR sản phẩm cho các doanh nghiệp; tổ chức chương trình quảng bá ấn phẩm văn hóa nghệ thuật.

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 135 tín chỉ

5. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Cấu trúc khung chương trình đào tạo

Nội dung	Số tín chỉ (%)	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn
Kiến thức giáo dục đại cương	34 (25 %)	34	0
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	101 (75 %)	60	41
- Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	17 (13 %)	12	5
- Khối kiến thức cơ sở ngành	35 (24 %)	17	18
- Khối kiến thức chuyên ngành	42 (31 %)	24	18
+ Thực tập, thực tế chuyên môn	11 (8,2 %)	11	0
- Khoá luận (hoặc HP thay thế)	7 (5, 2%)	7	0
Tổng	135	94	41

Khung chương trình đào tạo

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	Loại giờ (LT/ BT-TL/ TH-TN/ TH)	HP tiên quyết; học trước (*)
5.1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	34		
5.1.1	Tiếng Việt cơ sở (dành cho SV nước ngoài)	11		
5.1.1.1	Nghe-nói tiếng Việt nâng cao	4	45/30/0/120	
5.1.1.2	Đọc-viết tiếng Việt nâng cao	4	45/30/0/120	
5.1.1.3	Ngữ pháp tiếng Việt nâng cao	3	30/30/0/90	
5.1.2	Lý luận chính trị (dành cho SV Việt Nam)	11		
5.1.2.1	Triết học Mác - Lênin	3	45/0/0/90	
5.1.2.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30/0/0/60	5.1.2.1*
5.1.2.3	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	2	30/0/0/60	5.1.2.2*
5.1.3.4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30/0/0/60	5.1.2.3*

5.1.3.5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30/0/0/60	5.1.2.4*
5.1.3	Ngoại ngữ	10		
5.1.3.1	Tiếng Anh 1	4	60/0/0/120	
5.1.3.2	Tiếng Anh 2	3	45/0/0/90	5.1.3.1*
5.1.3.3	Tiếng Anh 3	3	45/0/0/90	5.1.3.2*
5.1.4	Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường	3		
5.1.4.1	Tin học đại cương	3	30/0/30/90	
5.1.5	Khoa học xã hội và nhân văn	10		
5.1.5.1	Pháp luật đại cương	2	25/10/0/60	
5.1.5.2	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	3	45/0/0/90	
5.1.5.3	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	45/0/0/90	
5.1.5.4	Phương pháp luận NCKH	2	30/0/0/60	
5.1.6	Giáo dục thể chất (*)			
5.2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	101		
5.2.1	Khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	17		
Bắt buộc		12		
5.2.1.1	Tiếng Việt thực hành	3	45/0/0/90	
5.2.1.2	Kỹ năng giao tiếp	3	45/0/0/90	
5.2.1.3	Lịch sử văn minh thế giới	3	45/0/0/90	
5.2.1.4	Nghệ thuật học	3	45/0/0/90	
Tự chọn		5/23		
5.2.1.5	Xã hội học đại cương	3	45/0/0/90	
5.2.1.6	Truyền thông quan hệ công chúng	2	30/0/0/60	
5.2.1.7	Tôn giáo học	2	30/0/0/60	
5.2.1.8	Logic học và tư duy phân biện	2	30/0/0/60	
5.2.1.9	Những vấn đề lớn của thời đại	2	30/0/0/60	
5.2.1.10	Văn hóa và đạo đức quản lý	3	45/0/0/90	
5.2.1.11	Dân tộc học đại cương	3	45/0/0/90	
5.2.1.12	Quản trị học đại cương	3	45/0/0/90	
5.2.1.13	Nghiệp vụ văn phòng	3	45/0/0/90	
5.2.2	Khối kiến thức cơ sở ngành	35		
Bắt buộc		17		
5.2.2.1	Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt	3	45/0/0/90	5.1.1.3*

5.2.2.2	Câu tiếng Việt trong hoạt động giao tiếp	3	45/0/0/90	5.1.1*
5.2.2.3	Văn học dân gian Việt Nam	3	45/0/0/90	
5.2.2.4	Phương pháp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ 1	4	60/0/0/120	5.1.1.3*
5.2.2.5	Tác phẩm văn học	4	60/0/0/120	
Tự chọn		18/45		
5.2.2.6	Phương pháp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ 2	3	45/0/0/90	5.2.2.4*
5.2.2.7	Thành ngữ-tục ngữ Việt Nam	3	45/0/0/90	5.1.1*
5.2.2.8	Lễ hội dân gian Việt Nam	3	45/0/0/90	5.1.5.2*
5.2.2.9	Du lịch văn hóa	3	45/0/0/90	5.1.5.2*
5.2.2.10	Phong tục, tập quán vùng Đông Nam Á	3	45/0/0/90	5.1.5.2*
5.2.2.11	Các làng nghề truyền thống ở Việt Nam	3	45/0/0/90	5.1.5.2*
5.2.2.12	Địa lý du lịch	3	45/0/0/90	
5.2.2.13	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	3	45/0/0/90	5.1.5.2*; 5.2.1.4*
5.2.2.14	Lịch sử tiếng Việt	3	45/0/0/90	
5.2.2.15	Nhập môn khoa học du lịch	3	45/0/0/90	
5.2.2.16	Kĩ năng dẫn chương trình phát thanh - truyền hình	3	30/0/30/90	
5.2.2.17	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	3	30/0/30/90	
5.2.2.18	Văn học châu Âu	3	45/0/0/90	5.1.1*
5.2.2.19	Nghiệp vụ tổ chức teambuilding	3	15/30/30/90	
5.2.2.20	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	3	45/0/0/90	
5.2.3	Khối kiến thức chuyên ngành	42		
Bắt buộc		24		
5.2.3.1	Văn học Việt Nam trung đại	3	45/0/0/90	5.1.1*
5.2.3.2	Văn học Việt Nam hiện đại	3	45/0/0/90	5.2.3.1*
5.2.3.3	Văn học Việt Nam đương đại	3	45/0/0/90	5.2.3.2*
5.2.3.4	Âm thực và trang phục Việt Nam	4	60/0/0/120	5.1.5.2*
5.2.3.5	Thực tế chuyên môn 1	2	0/0/60/0	
5.2.3.6	Thực tế chuyên môn 2	2	0/0/60/0	5.2.3.5*
5.2.3.7	Thực tập	7	0/0/210/0	5.2.3.6*
Tự chọn		18/36		
5.2.3.8	Văn học châu Á	3	45/0/0/90	5.1.1*;
5.2.3.9	Tiếng Anh chuyên ngành Văn học	3	45/0/0/90	5.1.3.3*
5.2.3.10	Liên kết văn bản tiếng Việt	3	45/0/0/90	5.1.1.3*

5.2.3.11	Loại thể văn học	3	45/0/0/90	
5.2.3.12	Ảnh báo chí	3	30/0/30/90	
5.2.2.13	Nghệp vụ hướng dẫn du lịch chuyên biệt	3	15/30/30/90	
5.2.3.14	Nghệp vụ pha chế và phục vụ đồ uống	3	15/30/30/90	
5.2.3.15	Danh nhân văn hóa Việt Nam	3	45/0/0/90	5.1.5.2*
5.2.3.16	Kỹ năng biên tập thông tin du lịch	3	45/0/0/90	
5.2.3.17	Tổ chức sự kiện	3	45/0/0/90	
5.2.3.18	Ngữ dụng học tiếng Việt	3	45/0/0/90	5.1.1.3*
5.2.3.19	Kỹ năng dịch	3	30/30/0/90	5.1.1*
5.2.4	Khóa luận/HP thay thế KLTN	7		
5.2.4.1	Khóa luận	7	0/0/0/210	
5.2.4.2	HP thay thế KLTN			
5.2.4.2.1	<i>Hà Nội: xưa và nay</i>	3	45/0/0/90	5.1.5.2*
5.2.4.2.2	<i>Lỗi ngữ pháp tiếng Việt của người nước ngoài</i>	4	60/0/0/120	5.2.2.2*
Tổng cộng		135		

LÃNH ĐẠO KHOA

Thị Cao An Thị

PHÒNG ĐÀO TẠO –
QLKH & HTQT

Ngô Văn Đức



HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. *Phạm Thị Phương Thái*

